

## **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

#### **1. Giới thiệu chung về dự toán, gói thầu:**

##### **1.1. Giới thiệu về dự toán**

a. Tên dự toán: Công tác duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc giai đoạn 2026-2028.

b. Chủ đầu tư: Ban quản lý các Khu công nghệ và Khu công nghiệp thành phố Hà Nội

c. Đại diện Chủ đầu tư: Ban quản lý các dự án và khai thác hạ tầng

d. Địa điểm thực hiện dịch vụ: Khu công nghệ cao Hòa Lạc, TP Hà Nội

##### **1.2. Giới thiệu về gói thầu**

a. Tên gói thầu: Gói thầu số 02: Duy trì VSMT - cây xanh 2026-2028

b. Nguồn vốn: Chi thường xuyên ngân sách thành phố

c. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước, qua mạng

d. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ

e. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 22 ngày

f. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I, năm 2026

g. Loại hợp đồng: Đơn giá điều chỉnh

h. Thời gian thực hiện gói thầu: 35 tháng

i. Tùy chọn mua thêm: Không.

k. Tóm tắt công tác duy trì:

- Duy trì thường xuyên và liên tục, hạn chế ngắt quãng để đảm bảo hiệu quả công việc.

- Đảm bảo vệ sinh môi trường trên các tuyến đường, vỉa hè luôn luôn sạch, không có đất cát, rác, lá cây. Đảm bảo cây xanh được cắt tỉa gọn gàng, hạn chế tình trạng gãy đổ trong mùa mưa bão gây nguy hiểm đến con người, phương tiện giao thông và gây hư hỏng hạ tầng khác. Đảm bảo thảm cỏ trên các tuyến đường luôn được chăm sóc, cắt tỉa gọn gàng tránh tình trạng cây dại, cỏ dại xâm lấn gây mất mỹ quan đô thị trong Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

- Đảm bảo tiêu thoát nước mặt đường, hạn chế bùn, đất, lá cây gây tắc nghẽn hồ ga thụ nước mặt đường dẫn đến phải thường xuyên nạo vét.

Phạm vi và quy mô, khối lượng thực hiện:

+ Phạm vi công việc của công tác VSMT và duy trì cây xanh, thảm cỏ được thực hiện trên toàn bộ các tuyến đường, đường dạo hồ Tân Xã.

+ Duy trì vệ sinh đường phố bằng xe quét hút, xe rửa đường trên toàn bộ chiều dài các tuyến đường và hồ Tân Xã với tần suất từ 1-5 lần/1 tuần tùy từng tuyến đường (trên cơ sở ưu tiên tuyến đường trục chính với tần suất 5 lần/tuần các tuyến vành đai và các tuyến có nhiều phương tiện thực hiện với tần suất từ 1-3 lần/ tuần )

+ Duy trì vệ sinh hệ phố bằng thủ công

+ Duy trì vệ sinh trong các vườn hoa, công viên, dải phân cách có cây xanh, thảm cỏ (Tuyến đường A, B, C, E, B, C, 3)

+ Thu gom rác thải từ các điểm tập kết rác lên xe và vận chuyển ra bãi xử lý: tạm tính 2 tấn/1 tuần.

+ Duy trì thảm cỏ lá tre trên các tuyến đường, hồ Tân Xã

+ Duy trì cây đơn lẻ, khóm

+ Duy trì hàng rào, cây cảnh trồng mảng, cây hoa lưu niên:

+ Cắt tỉa làm thưa tán, thấp tán, hạ độ cao cây bóng mát thực hiện chủ yếu bằng cơ giới loại 2 ( $20 < D < 50$ ) tuyến A, 5\*, D, C\*

+ cắt tỉa vén tán, nâng cao vòm lá, cắt cành khô, gỡ phụ sinh (tuyến A, B, C\*, D, D\*, 5\*, 6, 8, 8\*, 12, Hồ Tân Xã

+ Chặt hạ cây chết, cây gãy đổ loại 1, 2

+ Kiểm tra cây bóng mát trong danh mục quản lý

+ Trồng và duy trì hoa thời vụ.

- Đối với việc cắt tỉa cây xanh, chỉ thực hiện cắt tỉa trên các tuyến đường có cây to (đường kính từ 20 đến 50cm trên tuyến A, 5\*, D, C\*). Công tác cắt tỉa vén tán, nâng cao vòm lá, cắt cành khô, gỡ phụ sinh chỉ thực hiện đối với các tuyến có các loại cây tán rộng, dễ gãy đổ trong mùa mưa bão (tuyến A, B, D, D\*, 5\*, 6, 8, 8\*, 12, và một số đoạn của Hồ Tân xã).

- Thực hiện công tác vệ sinh môi trường trên tất cả các tuyến đường (quét đường bằng cơ giới, tưới nước rửa đường bằng ô tô chuyên dùng, thu gom rác thải đường phố ....), tần suất thực hiện cũng theo nguyên tắc ưu tiên các tuyến chính, các tuyến có nhiều nhà đầu tư, phục vụ khánh tiết.

- Thực hiện công tác duy trì hệ thống cây xanh, thảm cỏ trên các tuyến đường giao thông và hành lang hồ Tân Xã với tần suất phù hợp (phạt cỏ, tưới nước thảm cỏ lá tre; tưới nước, cắt sửa các khóm cây tiểu cảnh; cắt tỉa, vén tán, chặt hạ cây chết, giải tỏa cảnh cây gãy đổ,....).

***(Chi tiết nội dung khối lượng, tần suất công việc tại các bảng phía dưới)***

**Bảng 5.1. Khối lượng, tần suất công tác vệ sinh môi trường năm 2026**

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Tần suất (lần/tuần)	Số lần đường	Số tuần	Khối lượng
<b>1</b>	<b>Duy trì vệ sinh đường phố bằng xe quét hút</b>	<b>km</b>				<b>15.293,40</b>
	Đường N10 (Đường A)	km	3	4	48	1.952,64
	Đường N14(Đường B)	km	3	4	48	1.977,98
	Đường N11 (Đường C)	km	3	4	48	990,72
	Đường N12(Đường C*)	km	3	4	48	1.966,46
	Đường N05 (Đường D, D*)	km	3	4	48	1.344,96
	Đường N1 (Đường 9)	km	2	4	48	757,25
	Đường N16 (Đường E)	km	3	2	48	892,80
	Đường N06 (đoạn đường 5*)	km	3	2	48	289,73
	Đường N03 (Đường 8*,8)	km	3	2	48	629,86
	Đường N02 (đoạn đường 10*)	km	2	2	48	216,77
	Đường N19 (Đường 1)	km	2	2	48	228,86
	Đường N18 (Đường 1A)	km	2	2	48	207,55
	Đường N01 (Đường 4)	km	2	2	48	449,09
	Đường N15 - N06 (Đường 5 đoạn từ nút giao đường 3 đến nút giao đường C)	km	2	2	48	472,32
	Đường N06 (Đường 5 đoạn từ nút giao đường C đến nút giao đường D)	km	2	2	48	168,00
	Đường N09 (Đường 6 đoạn qua trường TH)	km	2	2	48	75,42
	Đường N13 (Đường 6 đoạn còn lại)	km	2	2	48	286,50
	Đường N07 (Đường 7)	km	2	2	48	308,93
	Đường N04 (Đường 10)	km	2	2	48	471,55
	Đường N17 (Đường 11)	km	2	2	48	135,74
	Đường N08 (Đường 12)	km	2	2	48	300,10
	Đường dạo hồ Tân Xã	km	1	2	48	1.170,17
<b>2</b>	<b>Duy trì vệ sinh hè phố bằng thủ công</b>	<b>m2</b>				<b>21.209.736</b>
	Đường N10 (Đường A)	m2	2		48	2.242.944
	Đường N14(Đường B)	m2	2		48	1.890.816
	Đường N11 (Đường C)	m2	3		48	1.409.616
	Đường N12(Đường C*)	m2	2		48	1.940.832
	Đường N05 (Đường D, D*)	m2	2		48	723.648
	Đường N1 (Đường 9)	m2	2		48	978.528
	Đường N16 (Đường E)	m2	3		48	2.389.824
	Đường N06 (đoạn đường 5*)	m2	2		48	1.337.568
	Đường N03 (Đường 8*,8)	m2	2		48	1.625.568
	Đường N02 (đoạn đường 10*)	m2	2		48	798.336
	Đường N19 (Đường 1)	m2	2		48	498.240
	Đường N18 (Đường 1A)	m2	2		48	496.032
	Đường N01 (Đường 4)	m2	2		48	994.272

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Tần suất (lần/tuần)	Số làn đường	Số tuần	Khối lượng
	Đường N15 - N06 (Đường 5 đoạn từ nút giao đường 3 đến nút giao đường D)	m2	2		48	1.468.224
	Đường N09 (Đường 6 đoạn qua trường TH)	m2	2		48	378.576
	Đường N13 (Đường 6 đoạn còn lại)	m2	1		48	189.288
	Đường N07 (Đường 7)	m2	1		48	345.840
	Đường N04 (Đường 10)	m2	1		48	612.432
	Đường N17 (Đường 11)	m2	1		48	130.656
	Đường N08 (Đường 12)	m2	2		48	758.496
<b>3</b>	<b>Duy trì rửa đường bằng xe chuyên dùng</b>	<b>km</b>				<b>5.861,60</b>
	Đường N10 (Đường A)	km	2	2	48	650,88
	Đường N14(Đường B)	km	2	2	48	659,33
	Đường N11 (Đường C)	km	2	2	48	330,24
	Đường N12(Đường C*)	km	2	2	48	655,49
	Đường N05 (Đường D, D*)	km	2	2	48	448,32
	Đường N1 (Đường 9)	km	1	2	48	189,31
	Đường N16 (Đường E)	km	2	2	48	220,42
	Đường N06 (đoạn đường 5*)	km	2	2	48	374,78
	Đường N03 (Đường 8*,8)	km	2	2	48	193,15
	Đường N02 (đoạn đường 10*)	km	2	2	48	221,18
	Đường N19 (Đường 1)	km	1	2	48	108,38
	Đường N18 (Đường 1A)	km	1	2	48	114,43
	Đường N01 (Đường 4)	km	1	2	48	103,78
	Đường N15 - N06 (Đường 5 đoạn từ nút giao đường 3 đến nút giao đường C)	km	1	2	48	224,54
	Đường N06 (Đường 5 đoạn từ nút giao đường C đến nút giao đường D)	km	2	2	48	472,32
	Đường N09 (Đường 6 đoạn qua trường TH)	km	2	2	48	168,00
	Đường N13 (Đường 6 đoạn còn lại)	km	1	2	48	37,71
	Đường N07 (Đường 7)	km	1	2	48	143,25
	Đường N04 (Đường 10)	km	1	2	48	154,46
	Đường N17 (Đường 11)	km	1	2	48	42,88
	Đường N08 (Đường 12)	km	2	2	48	112,96
	Đường đạo hồ Tân Xã	km	1	2	48	235,78
<b>4</b>	<b>Duy trì vệ sinh trong các vườn hoa, công viên, dải phân cách,... có cây xanh, thảm cỏ</b>	<b>100m2</b>				<b>179.607,1</b>
	Đường N10 (Đường A)	100m2	1		48	25.562,7
	Đường N14(Đường B, 3)	100m2	1		48	14.207,1
	Đường N11 (Đường C)	100m2	1		48	14.585,1
	Đường N16 (Đường E)	100m2	1		48	15.902,0
	Đường N12(Đường C*)	100m2	1		48	14.084,6

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Tần suất (lần/tuần)	Số làn đường	Số tuần	Khối lượng
	Đường N05 (Đường D, D*)	100m <sup>2</sup>	1		48	13.025,8
	Đường N1 (Đường 4, 9)	100m <sup>2</sup>	1		48	24.688,8
	Đường N06, N15 (đường 5 đoạn từ đường 3 đến đường D)	100m <sup>2</sup>	1		48	8.342,4
	Đường dạo hồ Tân Xã	100m <sup>2</sup>	1		48	49.208,6
5	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các địa điểm tập kết lên xe rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác cự ly bình quân 35 < L < 40km	1 Tấn rác	2		48	384
6	Công tác vận hành bãi chôn lấp và xử lý chất thải sinh hoạt	Tấn				384

**Bảng 5.2. Khối lượng, tần suất công tác vệ sinh môi trường năm 2027**

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Tần suất (lần/tuần)	Số làn đường	Số tuần	Khối lượng
1	Duy trì vệ sinh đường phố bằng xe quét hút	km				20.144,17
	Đường N10 (Đường A)	km	4	4	52	2.820,48
	Đường N14 (Đường B)	km	4	4	52	2.857,09
	Đường N11 (Đường C)	km	4	4	52	1.431,04
	Đường N12 (Đường C*)	km	3	4	52	2.130,34
	Đường N05 (Đường D, D*)	km	4	4	52	1.942,72
	Đường N1 (Đường 9)	km	2	4	52	820,35
	Đường N11 (Đường tuyến cải tạo dự án Hoàn thiện hạ tầng)	km	4	4	52	632,64
	Đường N16 (Đường E)	km	3	2	52	967,20
	Đường N06 (đoạn đường 5*)	km	3	2	52	313,87
	Đường N03 (Đường 8*, 8)	km	3	2	52	682,34
	Đường N02 (đoạn đường 10*)	km	3	2	52	352,25
	Đường N19 (Đường 1)	km	3	2	52	371,90
	Đường N18 (Đường 1A)	km	3	2	52	337,27
	Đường N01 (Đường 4)	km	2	2	52	486,51
	Đường N15 - N06 (Đường 5 đoạn từ nút giao đường 3 đến nút giao đường C)	km	2	2	52	511,68
	Đường N06 (Đường 5 đoạn từ nút giao đường C đến nút giao đường D)	km	4	2	52	364,00
	Đường N09 (Đường 6 đoạn qua trường TH)	km	2	2	52	81,70
	Đường N13 (Đường 6 đoạn còn lại)	km	2	2	52	310,38
	Đường N07 (Đường 7)	km	2	2	52	334,67
	Đường N04 (Đường 10)	km	1	2	52	255,42
	Đường N17 (Đường 11)	km	1	2	52	73,53
	Đường N08 (Đường 12)	km	3	2	52	487,66
	Đường dạo hồ Tân Xã	km	1	2	52	1.267,68

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Tần suất (lần/tuần)	Số lần đường	Số tuần	Khối lượng
	Đường N21 ( đường 2 Dự án Hoàn thiện hạ tầng)	km	1	2	52	91,37
	Đường tuyến nội khu (Dự án Hoàn thiện hạ tầng)	km	2	2	52	220,06
<b>2</b>	<b>Duy trì vệ sinh hệ phố bằng thủ công</b>	<b>m2</b>				<b>26.270.244</b>
	Đường N10 (Đường A)	m2	3		52	3.644.784
	Đường N14(Đường B )	m2	3		52	3.072.576
	Đường N11 (Đường C)	m2	3		52	1.527.084
	Đường N12(Đường C*)	m2	3		52	3.153.852
	Đường N05 (Đường D, D*)	m2	3		52	1.175.928
	Đường N1 (Đường 9)	m2	1		52	530.036
	Đường N11 (Đường tuyến cải tạo dự án Hoàn thiện hạ tầng)	m2	3		52	301.080
	Đường N16 (Đường E)	m2	3		52	2.588.976
	Đường N06 (đoạn đường 5*)	m2	2		52	1.449.032
	Đường N03 (Đường 8*,8)	m2	2		52	1.761.032
	Đường N02 (đoạn đường 10*)	m2	2		52	864.864
	Đường N19 (Đường 1)	m2	2		52	539.760
	Đường N18 (Đường 1A)	m2	2		52	537.368
	Đường N01 (Đường 4)	m2	1		52	538.564
	Đường N15 - N06 (Đường 5 đoạn từ nút giao đường 3 đến nút giao đường D)	m2	2		52	1.590.576
	Đường N09 (Đường 6 đoạn qua trường TH)	m2	2		52	410.124
	Đường N13 (Đường 6 đoạn còn lại)	m2	2		52	410.124
	Đường N07 (Đường 7)	m2	1		52	374.660
	Đường N04 (Đường 10)	m2	1		52	663.468
	Đường N17 (Đường 11)	m2	1		52	141.544
	Đường N08 (Đường 12)	m2	1		52	410.852
	Đường N21 ( đường 2 Dự án Hoàn thiện hạ tầng)	m2	1		52	243.464
	Đường tuyến nội khu (Dự án Hoàn thiện hạ tầng)	m2	1		52	340.496
<b>3</b>	<b>Duy trì rửa đường bằng xe chuyên dùng</b>	<b>km</b>				<b>8.425,16</b>
	Đường N10 (Đường A)	km	3	2	52	1.057,68
	Đường N14(Đường B )	km	3	2	52	1.071,41
	Đường N11 (Đường C)	km	3	2	52	536,64
	Đường N12(Đường C*)	km	3	2	52	1.065,17
	Đường N05 (Đường D, D*)	km	3	2	52	728,52
	Đường N1 (Đường 9)	km	1	2	52	205,09
	Đường N11 (Đường tuyến cải tạo dự án Hoàn thiện hạ tầng)	km	3	2	52	237,24
	Đường N16 (Đường E)	km	3	2	52	358,18
	Đường N06 (đoạn đường 5*)	km	2	2	52	406,02
	Đường N03 (Đường 8*,8)	km	2	2	52	209,25

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Tần suất (lần/tuần)	Số lần đường	Số tuần	Khối lượng
	Đường N02 (đoạn đường 10*)	km	1	2	52	119,81
	Đường N19 (Đường 1)	km	2	2	52	234,83
	Đường N18 (Đường 1A)	km	2	2	52	247,94
	Đường N01 (Đường 4)	km	1	2	52	112,42
	Đường N15 - N06 (Đường 5 đoạn từ nút giao đường 3 đến nút giao đường C)	km	1	2	52	243,26
	Đường N06 (Đường 5 đoạn từ nút giao đường C đến nút giao đường D)	km	2	2	52	511,68
	Đường N09 (Đường 6 đoạn qua trường TH)	km	1	2	52	91,00
	Đường N13 (Đường 6 đoạn còn lại)	km	1	2	52	40,85
	Đường N07 (Đường 7)	km	1	2	52	155,19
	Đường N04 (Đường 10)	km	1	2	52	167,34
	Đường N17 (Đường 11)	km	1	2	52	46,45
	Đường N08 (Đường 12)	km	2	2	52	122,38
	Đường dạo hồ Tân Xã	km	1	2	52	255,42
	Đường N21 ( đường 2 Dự án Hoàn thiện hạ tầng)	km	1	2	52	91,37
	Đường tuyến nội khu (Dự án Hoàn thiện hạ tầng)	km	1	2	52	110,03
<b>4</b>	<b>Duy trì vệ sinh trong các vườn hoa, công viên, dải phân cách,... có cây xanh, thảm cỏ</b>	<b>100m2</b>				<b>196.243,0</b>
	Đường N10 (Đường A)	100m2	1		52	27.692,9
	Đường N14(Đường B, 3 )	100m2	1		52	15.391,0
	Đường N11 (Đường C)	100m2	1		52	15.800,5
	Đường N16 (Đường E)	100m2	1		52	17.227,2
	Đường N12(Đường C*)	100m2	1		52	15.258,4
	Đường N05 (Đường D, D*)	100m2	1		52	14.111,2
	Đường N1 (Đường 4, 9)	100m2	1		52	26.746,2
	Đường N06, N15 (đường 5 đoạn từ đường 3 đến đường D)	100m2	1		52	9.037,6
	Đường dạo hồ Tân Xã	100m2	1		52	53.309,4
	Đường N11 (Đường tuyến cải tạo dự án Hoàn thiện hạ tầng)	100m2	1		52	1.668,7
<b>5</b>	<b>Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các địa điểm tập kết lên xe rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác cự ly bình quân 35&lt; L &lt;40km</b>	<b>1 Tấn rác</b>	<b>2</b>		<b>52</b>	<b>416</b>
<b>6</b>	<b>Công tác vận hành bãi chôn lấp và xử lý chất thải sinh hoạt</b>	<b>Tấn</b>				<b>416</b>

**Bảng 5.3. Khối lượng, tần suất công tác vệ sinh môi trường năm 2028**

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Tần suất (lần/tuần)	Số lần đường	Số tuần	Khối lượng
<b>1</b>	<b>Duy trì vệ sinh đường phố bằng xe quét hút</b>	<b>km</b>				<b>20.144,17</b>
	Đường N10 (Đường A)	km	4	4	52	2.820,48
	Đường N14(Đường B)	km	4	4	52	2.857,09
	Đường N11 (Đường C)	km	4	4	52	1.431,04
	Đường N12(Đường C*)	km	3	4	52	2.130,34
	Đường N05 (Đường D, D*)	km	4	4	52	1.942,72
	Đường N1 (Đường 9)	km	2	4	52	820,35
	Đường N11 (Đường tuyến cải tạo dự án Hoàn thiện hạ tầng)	km	4	4	52	632,64
	Đường N16 (Đường E)	km	3	2	52	967,20
	Đường N06 (đoạn đường 5*)	km	3	2	52	313,87
	Đường N03 (Đường 8*,8)	km	3	2	52	682,34
	Đường N02 (đoạn đường 10*)	km	3	2	52	352,25
	Đường N19 (Đường 1)	km	3	2	52	371,90
	Đường N18 (Đường 1A)	km	3	2	52	337,27
	Đường N01 (Đường 4)	km	2	2	52	486,51
	Đường N15 - N06 (Đường 5 đoạn từ nút giao đường 3 đến nút giao đường C)	km	2	2	52	511,68
	Đường N06 (Đường 5 đoạn từ nút giao đường C đến nút giao đường D)	km	4	2	52	364,00
	Đường N09 (Đường 6 đoạn qua trường TH)	km	2	2	52	81,70
	Đường N13 (Đường 6 đoạn còn lại)	km	2	2	52	310,38
	Đường N07 (Đường 7)	km	2	2	52	334,67
	Đường N04 (Đường 10)	km	1	2	52	255,42
	Đường N17 (Đường 11)	km	1	2	52	73,53
	Đường N08 (Đường 12)	km	3	2	52	487,66
	Đường đạo hồ Tân Xã	km	1	2	52	1.267,68
	Đường N21 ( đường 2 Dự án Hoàn thiện hạ tầng)	km	1	2	52	91,37
	Đường tuyến nội khu (Dự án Hoàn thiện hạ tầng)	km	2	2	52	220,06
<b>2</b>	<b>Duy trì vệ sinh hè phố bằng thủ công</b>	<b>m2</b>				<b>27.493.960</b>
	Đường N10 (Đường A)	m2	3		52	3.644.784
	Đường N14(Đường B)	m2	3		52	3.072.576
	Đường N11 (Đường C)	m2	3		52	1.527.084
	Đường N12(Đường C*)	m2	3		52	3.153.852
	Đường N05 (Đường D, D*)	m2	3		52	1.175.928
	Đường N1 (Đường 9)	m2	1		52	530.036
	Đường N11 (Đường tuyến cải tạo dự án Hoàn thiện hạ tầng)	m2	2		52	200.720
	Đường N16 (Đường E)	m2	3		52	2.588.976
	Đường N06 (đoạn đường 5*)	m2	2		52	1.449.032

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Tần suất (lần/tuần)	Số làn đường	Số tuần	Khối lượng
	Đường N03 (Đường 8*,8)	m2	2		52	1.761.032
	Đường N02 (đoạn đường 10*)	m2	2		52	864.864
	Đường N19 (Đường 1)	m2	2		52	539.760
	Đường N18 (Đường 1A)	m2	2		52	537.368
	Đường N01 (Đường 4)	m2	2		52	1.077.128
	Đường N15 - N06 (Đường 5 đoạn từ nút giao đường 3 đến nút giao đường D)	m2	2		52	1.590.576
	Đường N09 (Đường 6 đoạn qua trường TH)	m2	2		52	410.124
	Đường N13 (Đường 6 đoạn còn lại)	m2	2		52	410.124
	Đường N07 (Đường 7)	m2	2		52	749.320
	Đường N04 (Đường 10)	m2	1		52	663.468
	Đường N17 (Đường 11)	m2	1		52	141.544
	Đường N08 (Đường 12)	m2	2		52	821.704
	Đường N21 ( đường 2 Dự án Hoàn thiện hạ tầng)	m2	1		52	243.464
	Đường tuyến nội khu (Dự án Hoàn thiện hạ tầng)	m2	1		52	340.496
<b>3</b>	<b>Duy trì rửa đường bằng xe chuyên dùng</b>	<b>km</b>				<b>8.425,16</b>
	Đường N10 (Đường A)	km	3	2	52	1.057,68
	Đường N14(Đường B)	km	3	2	52	1.071,41
	Đường N11 (Đường C)	km	3	2	52	536,64
	Đường N12(Đường C*)	km	3	2	52	1.065,17
	Đường N05 (Đường D, D*)	km	3	2	52	728,52
	Đường N1 (Đường 9)	km	1	2	52	205,09
	Đường N11 (Đường tuyến cải tạo dự án Hoàn thiện hạ tầng)	km	3	2	52	237,24
	Đường N16 (Đường E)	km	3	2	52	358,18
	Đường N06 (đoạn đường 5*)	km	2	2	52	406,02
	Đường N03 (Đường 8*,8)	km	2	2	52	209,25
	Đường N02 (đoạn đường 10*)	km	1	2	52	119,81
	Đường N19 (Đường 1)	km	2	2	52	234,83
	Đường N18 (Đường 1A)	km	2	2	52	247,94
	Đường N01 (Đường 4)	km	1	2	52	112,42
	Đường N15 - N06 (Đường 5 đoạn từ nút giao đường 3 đến nút giao đường C)	km	1	2	52	243,26
	Đường N06 (Đường 5 đoạn từ nút giao đường C đến nút giao đường D)	km	2	2	52	511,68
	Đường N09 (Đường 6 đoạn qua trường TH)	km	1	2	52	91,00
	Đường N13 (Đường 6 đoạn còn lại)	km	1	2	52	40,85
	Đường N07 (Đường 7)	km	1	2	52	155,19
	Đường N04 (Đường 10)	km	1	2	52	167,34

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Tần suất (lần/tuần)	Số lần đường	Số tuần	Khối lượng
	Đường N17 (Đường 11)	km	1	2	52	46,45
	Đường N08 (Đường 12)	km	2	2	52	122,38
	Đường dạo hồ Tân Xã	km	1	2	52	255,42
	Đường N21 (đường 2 Dự án Hoàn thiện hạ tầng)	km	1	2	52	91,37
	Đường tuyến nội khu (Dự án Hoàn thiện hạ tầng)	km	1	2	52	110,03
<b>4</b>	<b>Duy trì vệ sinh trong các vườn hoa, công viên, dải phân cách,... có cây xanh, thảm cỏ</b>	<b>100m2</b>				<b>196.243,0</b>
	Đường N10 (Đường A)	100m2	1		52	27.692,9
	Đường N14(Đường B, 3 )	100m2	1		52	15.391,0
	Đường N11 (Đường C)	100m2	1		52	15.800,5
	Đường N16 (Đường E)	100m2	1		52	17.227,2
	Đường N12(Đường C*)	100m2	1		52	15.258,4
	Đường N05 (Đường D, D*)	100m2	1		52	14.111,2
	Đường N1 (Đường 4, 9)	100m2	1		52	26.746,2
	Đường N06, N15 (đường 5 đoạn từ đường 3 đến đường D)	100m2	1		52	9.037,6
	Đường dạo hồ Tân Xã	100m2	1		52	53.309,4
	Đường N11 (Đường tuyến cải tạo dự án Hoàn thiện hạ tầng)	100m2	1		52	1.668,7
<b>5</b>	<b>Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các địa điểm tập kết lên xe rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác cự ly bình quân 35&lt; L &lt;40km</b>	<b>1 Tấn rác</b>	<b>2</b>		<b>52</b>	<b>416</b>
<b>6</b>	<b>Công tác vận hành bãi chôn lấp và xử lý chất thải sinh hoạt</b>	<b>Tấn</b>				<b>416</b>

**Bảng 5.4. Khối lượng, tần suất công tác duy trì cây xanh năm 2026**

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Số lần duy trì	Khối lượng
<b>1</b>	<b>Duy trì thảm cỏ lá tre (giảm tần suất tưới, phạt cỏ, không nhổ cỏ dại)</b>	<b>100m2/tháng</b>		<b>30.340,41</b>
	Đường N10 (Đường A)	100m2	11	5.858,16
	Đường N14 (Đường B)	100m2	11	3.449,61
	Đường N11 (Đường C)	100m2	11	3.342,46
	Đường N12 (Đường C*)	100m2	11	3.227,73
	Đường N05 (Đường D, D*)	100m2	11	2.985,07
	Đường N01 (Đường 4,9)	100m2	5	2.571,75
	Đường N16 (Đường E)	100m2	11	3.644,21
	Đường N19 (Đường 1)	100m2	5	125,45
	Đường N18 (Đường 1A)	100m2	5	125,00
	Đường N15 (Đường 5 đoạn từ nút giao đường 3 đến nút giao đường C)	100m2	3	384,62

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Số lần duy trì	Khối lượng
	<i>Đường N06 (Đường 5 đoạn từ nút giao đường C đến nút giao đường D)</i>	<i>100m<sup>2</sup></i>	3	<i>136,81</i>
	<i>Đường N09 (Đường 6 đoạn qua Trường TH)</i>	<i>100m<sup>2</sup></i>	3	<i>310,43</i>
	<i>Đường N13 (Đường 6 đoạn còn lại)</i>	<i>100m<sup>2</sup></i>	2	<i>206,95</i>
	<i>Đường N07 (Đường 7)</i>	<i>100m<sup>2</sup></i>	2	<i>144,38</i>
	<i>Đường N03 (Đường 8)</i>	<i>100m<sup>2</sup></i>	2	<i>135,58</i>
	<i>Đường N04 (Đường 10)</i>	<i>100m<sup>2</sup></i>	2	<i>139,96</i>
	<i>Đường 17 (Đường 11)</i>	<i>100m<sup>2</sup></i>	2	<i>29,48</i>
	<i>Đường N08 (Đường 12)</i>	<i>100m<sup>2</sup></i>	2	<i>121,54</i>
	<i>Đường N02 (Đường 10*)</i>	<i>100m<sup>2</sup></i>	2	<i>180,64</i>
	<i>Hồ Tân Xã</i>	<i>100m<sup>2</sup></i>	2	<i>2.544,41</i>
	<i>Đường N11, N21 (đường 2), Đường nội khu (Dự án Hoàn thiện hạ tầng)</i>	<i>100m<sup>2</sup></i>	2	<i>676,18</i>
<b>2</b>	<b>Duy trì cây đơn lẻ, khóm (Loại cây 2 tháng cắt sửa 1 lần)</b>	<b>10 cây (khóm)/tháng</b>		<b>1.051,2</b>
	<i>Đường N11 (Đường C)</i>	10 cây (khóm)/tháng	6	<i>328,80</i>
	<i>Đường N14 (Đường B)</i>	10 cây (khóm)/tháng	6	<i>496,20</i>
	<i>Bùn bình nút D4 (đường N11 giao đường N10)</i>	10 cây (khóm)/tháng	6	<i>33,60</i>
	<i>Đường N05 (Đường D)</i>	10 cây (khóm)/tháng	6	<i>156,60</i>
	<i>Đường N11 (Khu vực nút giao tuyến cải tạo Dự án HTHT)</i>	10 cây (khóm)/tháng	6	<i>36,00</i>
<b>3</b>	<b>Duy trì hàng rào, cây cảnh trồng măng, cây hoa lưu niên (giảm tần suất tưới và không nhổ cỏ dại)</b>	<b>m<sup>2</sup>/tháng</b>		<b>29.516,40</b>
	<i>Đường N10 (Đường A)</i>	<i>m<sup>2</sup></i>	6	<i>5.598,00</i>
	<i>Đường N11 (Đường C)</i>	<i>m<sup>2</sup></i>	6	<i>13.374,00</i>
	<i>Đường N14 (Đường B)</i>	<i>m<sup>2</sup></i>	6	<i>5.160,00</i>
	<i>Đường N11 (Khu vực nút giao tuyến cải tạo Dự án HTHT)</i>	<i>m<sup>2</sup></i>	6	<i>5.384,40</i>
<b>4</b>	<b>Cắt tỉa vén tán, nâng cao vòm lá, cắt cành khô, gỡ phụ sinh thực hiện chủ yếu bằng cơ giới</b>	<b>Cây/lần</b>		<b>2.248</b>
<b>5</b>	<b>Cắt tỉa làm thưa tán, thấp tán, hạ độ cao cây bóng mát thực hiện chủ yếu bằng cơ giới, cây loại 3</b>	<b>Cây/lần</b>		<b>35</b>
<b>6</b>	<b>Chặt hạ, đào gốc cây chết, sâu mục thân...(đường kính cây D&lt;20)</b>	<b>Cây/lần</b>		<b>30</b>
<b>7</b>	<b>Giải tỏa cây gãy, đổ cây loại 1 (đường kính cây D&lt;20)</b>	<b>Cây/lần</b>		<b>100</b>
<b>8</b>	<b>Giải tỏa cây gãy, đổ cây loại 2 (đường kính cây 20&lt;D&lt;50)</b>	<b>Cây/lần</b>		<b>20</b>
<b>9</b>	<b>Kiểm tra cây bóng mát trong danh mục quản lý</b>	<b>1000 cây/lần</b>		<b>133,56</b>

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Số lần duy trì	Khối lượng
	Đường N10 (Đường A)	1000 cây	11	7,50
	Đường N14 (Đường B)	1000 cây	11	5,38
	Đường N11 (Đường C)	1000 cây	11	4,15
	Đường N12 (Đường C*)	1000 cây	11	7,70
	Đường N05 (Đường D, D*)	1000 cây	11	4,99
	Đường N16 (Đường E)	1000 cây	11	5,13
	Đường N01 (Đường 4,9)	1000 cây	11	9,90
	Đường N02 (Đường 10*)	1000 cây	11	2,95
	Đường N03 (Đường 8, 8*)	1000 cây	11	4,94
	Đường N04 (Đường 10)	1000 cây	11	6,20
	Đường N06 (Đường 5* và Đường 5 đoạn từ nút giao đường C đến nút giao đường D)	1000 cây	11	5,59
	Đường N07 (Đường 7)	1000 cây	11	3,44
	Đường N08 (Đường 12)	1000 cây	11	3,14
	Đường N09 (Đường 6 đoạn từ đường C* Sở KHCN đến đường C)	1000 cây	11	1,87
	Đường N13 (Đường 6 đoạn từ đường C* hướng QL21 đến đường C)	1000 cây	11	2,01
	Đường N15 (Đường 5 đoạn từ nút giao đường 3 đến nút giao đường C)	1000 cây	11	4,10
	Đường N17 (Đường 11)	1000 cây	11	1,51
	Đường N18 (Đường 1A)	1000 cây	11	2,38
	Đường N19 (Đường 1)	1000 cây	11	2,54
	Hồ Tân Xã	1000 cây	11	44,22
	Đường N11, N21 (đường 2), Đường nội khu (Dự án Hoàn thiện hạ tầng)	1000 cây	6	3,92
10	Trồng và duy trì hoa thời vụ (đã bao gồm cây hoa)	1m2/tháng		1.758,90
	Nút giao D4	m2	11	1.758,90
11	Trồng, chăm sóc cây hàng rào, cây trồng măng, hoa lưu niên (chưa bao gồm chậu/ang đất màu, cây trồng)	1m2/tháng	11	2.310
12	Trộn đất màu, giá thể đổ vào ang, chậu	1m2		210
13	Cây hoa giấy (Cao 1,2m-1,5m đường kính tán 50cm-60cm, đường kính gốc $\geq 4$ cm)	Cây		210
15	Chậu trồng cây D=1m, cao $\geq 0,5$ m (bao gồm cả đất trồng)	Chậu		210

Bảng 5.5. Khối lượng, tần suất công tác duy trì cây xanh năm 2027

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Số lần duy trì	Khối lượng
1	Duy trì thảm cỏ lá tre (giảm tần suất tưới, phạt cỏ, không nhổ cỏ dại)	100m2/tháng		38.844,62
	Đường N10 (Đường A)	100m2	12	6.390,72
	Đường N14 (Đường B)	100m2	12	3.763,21
	Đường N11 (Đường C)	100m2	12	3.646,32

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Số lần duy trì	Khối lượng
	Đường N12 (Đường C*)	100m <sup>2</sup>	12	3.521,16
	Đường N05 (Đường D, D*)	100m <sup>2</sup>	12	3.256,44
	Đường N01 (Đường 4,9)	100m <sup>2</sup>	6	3.086,10
	Đường N16 (Đường E)	100m <sup>2</sup>	12	3.975,50
	Đường N19 (Đường 1)	100m <sup>2</sup>	12	301,08
	Đường N18 (Đường 1A)	100m <sup>2</sup>	12	300,00
	Đường N15 (Đường 5 đoạn từ nút giao đường 3 đến nút giao đường C)	100m <sup>2</sup>	6	769,24
	Đường N06 (Đường 5 đoạn từ nút giao đường C đến nút giao đường D)	100m <sup>2</sup>	6	273,61
	Đường N09 (Đường 6 đoạn qua Trường TH)	100m <sup>2</sup>	6	620,85
	Đường N13 (Đường 6 đoạn còn lại)	100m <sup>2</sup>	4	413,90
	Đường N07 (Đường 7)	100m <sup>2</sup>	6	433,14
	Đường N03 (Đường 8)	100m <sup>2</sup>	6	406,74
	Đường N04 (Đường 10)	100m <sup>2</sup>	4	279,92
	Đường 17 (Đường 11)	100m <sup>2</sup>	4	58,95
	Đường N08 (Đường 12)	100m <sup>2</sup>	6	364,62
	Đường N02 (Đường 10*)	100m <sup>2</sup>	6	541,92
	Hồ Tân Xã	100m <sup>2</sup>	4	5.088,84
	Đường N11, N21 (đường 2), Đường nội khu (Dự án Hoàn thiện hạ tầng)	100m <sup>2</sup>	4	1.352,36
<b>2</b>	<b>Duy trì cây đơn lẻ, khóm (Loại cây 2 tháng cắt sửa 1 lần)</b>	<b>10 cây (khóm)/tháng</b>		<b>1.051,2</b>
	Đường N11 (Đường C)	10 cây (khóm)/tháng	6	328,80
	Đường N14 (Đường B)	10 cây (khóm)/tháng	6	496,20
	Bùn bình nút D4 (đường N11 giao đường N10)	10 cây (khóm)/tháng	6	33,60
	Đường N05 (Đường D)	10 cây (khóm)/tháng	6	156,60
	Đường N11 (Khu vực nút giao tuyến cải tạo Dự án HTHT)	10 cây (khóm)/tháng	6	36,00
<b>3</b>	<b>Duy trì hàng rào, cây cảnh trồng măng, cây hoa lưu niên (giảm tần suất tưới và không nhổ cỏ dại)</b>	<b>1m<sup>2</sup>/tháng</b>		<b>29.516,40</b>
	Đường N10 (Đường A)	m <sup>2</sup>	6	5.598,00
	Đường N11 (Đường C)	m <sup>2</sup>	6	13.374,00
	Đường N14 (Đường B)	m <sup>2</sup>	6	5.160,00
	Đường N11 (Khu vực nút giao tuyến cải tạo Dự án HTHT)	m <sup>2</sup>	6	5.384,40
<b>4</b>	<b>Cắt tỉa vén tán, nâng cao vòm lá, cắt cành khô, gỡ phụ sinh thực hiện chủ yếu bằng cơ giới</b>	<b>Cây/lần</b>		<b>5.271</b>
<b>5</b>	<b>Cắt tỉa làm thưa tán, thấp tán, hạ độ cao cây bóng mát thực hiện chủ yếu bằng cơ giới, cây loại 3</b>	<b>Cây/lần</b>		<b>35</b>

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Số lần duy trì	Khối lượng
6	Chặt hạ, đào gốc cây chết, sâu mục thân...(đường kính cây D<20)	Cây/lần		60
7	Giải tỏa cây gãy, đổ cây loại 1 (đường kính cây D<20)	Cây/lần		120
8	Giải tỏa cây gãy, đổ cây loại 2 (đường kính cây 20<D<50)	Cây/lần		30
9	Kiểm tra cây bóng mát trong danh mục quản lý	1000 cây/lần		144,24
	Đường N10 (Đường A)	1000 cây	12	8,18
	Đường N14 (Đường B)	1000 cây	12	5,87
	Đường N11 (Đường C)	1000 cây	12	4,52
	Đường N12 (Đường C*)	1000 cây	12	8,40
	Đường N05 (Đường D, D*)	1000 cây	12	5,45
	Đường N16 (Đường E)	1000 cây	12	5,59
	Đường N01 (Đường 4,9)	1000 cây	12	10,80
	Đường N02 (Đường 10*)	1000 cây	12	3,22
	Đường N03 (Đường 8, 8*)	1000 cây	12	5,39
	Đường N04 (Đường 10)	1000 cây	12	6,77
	Đường N06 (Đường 5* và Đường 5 đoạn từ nút giao đường C đến nút giao đường D)	1000 cây	12	6,10
	Đường N07 (Đường 7)	1000 cây	12	3,76
	Đường N08 (Đường 12)	1000 cây	12	3,42
	Đường N09 (Đường 6 đoạn từ đường C* Sở KHCN đến đường C)	1000 cây	12	1,57
	Đường N13 (Đường 6 đoạn từ đường C* hướng QL21 đến đường C)	1000 cây	12	1,56
	Đường N15 (Đường 5 đoạn từ nút giao đường 3 đến nút giao đường C)	1000 cây	12	4,48
	Đường N17 (Đường 11)	1000 cây	12	1,64
	Đường N18 (Đường 1A)	1000 cây	12	2,59
	Đường N19 (Đường 1)	1000 cây	12	2,77
	Hồ Tân Xã	1000 cây	12	48,24
	Đường N11, N21 (đường 2), Đường nội khu (Dự án Hoàn thiện hạ tầng)	1000 cây	12	3,92
10	Trồng và duy trì hoa thời vụ (đã bao gồm cây hoa)	1m2/tháng		1.918,80
	Nút giao D4	m2	12	1.918,80
11	Trồng, chăm sóc cây hàng rào, cây trồng mảng, hoa lưu niên (chưa bao gồm chậu/ang đất màu, cây trồng)	1m2/tháng	12	2.520

**Bảng 5.6. Khối lượng, tần suất công tác duy trì cây xanh năm 2028**

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Số lần duy trì	Khối lượng
1	Duy trì thảm cỏ lá tre (giảm tần suất tưới, phạt cỏ, không nhổ cỏ dại)	100m2/tháng		38.588,21
	Đường N10 (Đường A)	100m2	12	6.390,72

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Số lần duy trì	Khối lượng
	Đường N14 (Đường B)	100m <sup>2</sup>	12	3.763,21
	Đường N11 (Đường C)	100m <sup>2</sup>	12	3.646,32
	Đường N12 (Đường C*)	100m <sup>2</sup>	12	3.521,16
	Đường N05 (Đường D, D*)	100m <sup>2</sup>	12	3.256,44
	Đường N01 (Đường 4,9)	100m <sup>2</sup>	6	3.086,10
	Đường N16 (Đường E)	100m <sup>2</sup>	12	3.975,50
	Đường N19 (Đường 1)	100m <sup>2</sup>	12	301,08
	Đường N18 (Đường 1A)	100m <sup>2</sup>	12	300,00
	Đường N15 (Đường 5 đoạn từ nút giao đường 3 đến nút giao đường C)	100m <sup>2</sup>	4	512,83
	Đường N06 (Đường 5 đoạn từ nút giao đường C đến nút giao đường D)	100m <sup>2</sup>	6	273,61
	Đường N09 (Đường 6 đoạn qua Trường TH)	100m <sup>2</sup>	6	620,85
	Đường N13 (Đường 6 đoạn còn lại)	100m <sup>2</sup>	4	413,90
	Đường N07 (Đường 7)	100m <sup>2</sup>	6	433,14
	Đường N03 (Đường 8)	100m <sup>2</sup>	6	406,74
	Đường N04 (Đường 10)	100m <sup>2</sup>	4	279,92
	Đường 17 (Đường 11)	100m <sup>2</sup>	4	58,95
	Đường N08 (Đường 12)	100m <sup>2</sup>	6	364,62
	Đường N02 (Đường 10*)	100m <sup>2</sup>	6	541,92
	Hồ Tân Xã	100m <sup>2</sup>	4	5.088,84
	Đường N11, N21 (đường 2), Đường nội khu (Dự án Hoàn thiện hạ tầng)	100m <sup>2</sup>	4	1.352,36
<b>2</b>	<b>Duy trì cây đơn lẻ, khóm (Loại cây 2 tháng cắt sửa 1 lần)</b>	<b>10 cây (khóm)/tháng</b>		<b>1.051,2</b>
	Đường N11 (Đường C)	10 cây (khóm)/tháng	6	328,80
	Đường N14 (Đường B)	10 cây (khóm)/tháng	6	496,20
	Bùn bình nút D4 (đường N11 giao đường N10)	10 cây (khóm)/tháng	6	33,60
	Đường N05 (Đường D)	10 cây (khóm)/tháng	6	156,60
	Đường N11 (Khu vực nút giao tuyến cải tạo Dự án HTHT)	10 cây (khóm)/tháng	6	36,00
<b>3</b>	<b>Duy trì hàng rào, cây cảnh trồng măng, cây hoa lưu niên (giảm tần suất tưới và không nhổ cỏ dại)</b>	<b>1m<sup>2</sup>/tháng</b>		<b>29.516,40</b>
	Đường N10 (Đường A)	m <sup>2</sup>	6	5.598,00
	Đường N11 (Đường C)	m <sup>2</sup>	6	13.374,00
	Đường N14 (Đường B)	m <sup>2</sup>	6	5.160,00
	Đường N11 (Khu vực nút giao tuyến cải tạo Dự án HTHT)	m <sup>2</sup>	6	5.384,40
<b>4</b>	<b>Cắt tỉa vén tán, nâng cao vòm lá, cắt cành khô, gỡ phụ sinh thực hiện chủ yếu bằng cơ giới</b>	<b>Cây/lần</b>		<b>5.271</b>

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Số lần duy trì	Khối lượng
5	Cắt tỉa làm thưa tán, thấp tán, hạ độ cao cây bóng mát thực hiện chủ yếu bằng cơ giới, cây loại 3	Cây/lần		35
6	Chặt hạ, đào gốc cây chết, sâu mục thân...(đường kính cây D<20)	Cây/lần		60
7	Giải tỏa cây gãy, đổ cây loại 1 (đường kính cây D<20)	Cây/lần		150
8	Giải tỏa cây gãy, đổ cây loại 2 (đường kính cây 20<D<50)	Cây/lần		30
9	Kiểm tra cây bóng mát trong danh mục quản lý	1000 cây/lần		144,24
	Đường N10 (Đường A)	1000 cây	12	8,18
	Đường N14 (Đường B)	1000 cây	12	5,87
	Đường N11 (Đường C)	1000 cây	12	4,52
	Đường N12 (Đường C*)	1000 cây	12	8,40
	Đường N05 (Đường D, D*)	1000 cây	12	5,45
	Đường N16 (Đường E)	1000 cây	12	5,59
	Đường N01 (Đường 4,9)	1000 cây	12	10,80
	Đường N02 (Đường 10*)	1000 cây	12	3,22
	Đường N03 (Đường 8, 8*)	1000 cây	12	5,39
	Đường N04 (Đường 10)	1000 cây	12	6,77
	Đường N06 (Đường 5* và Đường 5 đoạn từ nút giao đường C đến nút giao đường D)	1000 cây	12	6,10
	Đường N07 (Đường 7)	1000 cây	12	3,76
	Đường N08 (Đường 12)	1000 cây	12	3,42
	Đường N09 (Đường 6 đoạn từ đường C* Sở KHCN đến đường C)	1000 cây	12	1,57
	Đường N13 (Đường 6 đoạn từ đường C* hướng QL21 đến đường C)	1000 cây	12	1,56
	Đường N15 (Đường 5 đoạn từ nút giao đường 3 đến nút giao đường C)	1000 cây	12	4,48
	Đường N17 (Đường 11)	1000 cây	12	1,64
	Đường N18 (Đường 1A)	1000 cây	12	2,59
	Đường N19 (Đường 1)	1000 cây	12	2,77
	Hồ Tân Xã	1000 cây	12	48,24
	Đường N11, N21 (đường 2), Đường nội khu (Dự án Hoàn thiện hạ tầng)	1000 cây	12	3,92
10	Trồng và duy trì hoa thời vụ (đã bao gồm cây hoa)	1m2/tháng		1.918,80
	Nút giao D4	m2	12	1.918,80
11	Trồng, chăm sóc cây hàng rào, cây trồng mảng, hoa lưu niên (chưa bao gồm chậu/ang đất màu, cây trồng)	1m2/tháng	12	2.520

### 1.3. Yêu cầu về giá dự thầu:

Giá gói thầu được phê duyệt áp dụng mức thuế GTGT là 10%. Đề nghị các nhà thầu tham dự gói thầu này khi chào giá áp dụng mức thuế GTGT là 10% làm cơ sở đánh

giá lựa chọn nhà thầu (cùng mặt bằng giá), ký kết hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng các bên sẽ căn cứ thực tế thực hiện và theo các chế độ chính sách mới được ban hành, hai bên điều chỉnh mức thuế GTGT theo quy định.

## **2. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:**

### **2.1. Yêu cầu đối với nội dung và kết quả công việc**

- \* Duy trì vệ sinh đường phố bằng xe quét hút:
  - Vận hành đúng quy trình, không gây bụi trong quá trình tác nghiệp.
  - Bề mặt đường sau khi quét hút phải hết cát, bụi, rác, sạch. Vĩa, dải phân cách sạch bùn đất, bụi bẩn.
  - Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông.
- \* Duy trì vệ sinh hè phố thủ công:
  - Duy trì đường phố trên toàn bộ địa bàn được giao.
  - Trên vỉa hè, dưới lòng đường đảm bảo sạch sẽ, không để tồn rác.
  - Các thùng rác vụn được thu hết rác và sạch sẽ bên ngoài.
  - Phải tuyệt đối chấp hành luật lệ giao thông để đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong suốt quá trình làm việc.
  - Thành vỉa phải sạch sẽ không có đất cát, rêu bám đối với vỉa khô, thông thoát nước đối với vỉa ướt.
  - Các thảm cỏ gọn, gốc cây, chân cột điện, chân tủ điện sạch rác.
  - Mùa lá rụng: Trước khi kết thúc ca làm việc phải quét vơ lá lại lần cuối.
  - Khi có đất, cát, phế thải xây dựng rơi vãi phải thu dọn sạch.
  - Trường hợp có mưa to, úng ngập cục bộ sau khi nước rút phải vệ sinh bùn tràn trên mặt hè, đường phố kết hợp với xe tưới rửa đường để làm sạch sẽ.
- \* Duy trì rửa đường bằng xe chuyên dùng:
  - Các tuyến đường được duy trì phải đảm bảo sạch sẽ.
  - Lòng đường sạch, vỉa thông thoáng.
  - Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông.
  - Chú ý: Không được bắn nước vào người đi đường, tránh thực hiện vào các giờ cao điểm.
- \* Duy trì vệ sinh trong các vườn hoa, công viên, dải phân cách,... có cây xanh, thảm cỏ:
  - Thu hết rác, kịp thời dọn rác, nilon trên bề mặt thảm cỏ, đường dạo, xung quanh vỉa thuộc dải phân cách và các vườn hoa, công viên hờ.
  - Đường dạo sạch không có rác, đất, cỏ dại; không tồn tại nước đọng, bùn trên đường dạo tại các dải phân cách, vườn hoa, công viên hờ.
  - Duy trì quét sạch lá, rác tồn tại trên bề mặt thảm cỏ, đường dạo, xung quanh vỉa thuộc dải phân cách và các vườn hoa, công viên hờ; thành vỉa phải sạch sẽ không có đất cát.
  - Trong suốt quá trình thực hiện duy trì phải có các biện pháp đảm bảo ATLĐ - ATGT.
- \* Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các địa điểm tập kết lên xe rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác cự ly bình quân  $35 < L < 40\text{km}$ :

- Thu hết chất thải rắn sinh hoạt (rác thải sinh hoạt), đúng giờ trên tuyến theo lịch trình được giao.

- Rác không bị rơi vãi, nước rác không chảy trong quá trình xe di chuyển.

- Chạy đúng quy định tốc độ trên đường và trong khu xử lý.

\* Công tác vận hành bãi chôn lấp và xử lý chất thải sinh hoạt:

- Việc vận hành các ô chôn lấp và xử lý chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh phải đạt chất lượng môi trường theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành; đảm bảo quy định và yêu cầu tại các văn bản pháp lý về môi trường được cấp phép.

- Nhà thầu có trách nhiệm ký hợp đồng với Đơn vị vận hành bãi chôn lấp chất thải đã được cấp phép theo quy định và trả tiền cho Đơn vị vận hành để thực hiện dịch vụ chôn lấp, xử lý chất thải.

- Nhà thầu có trách nhiệm thu gom toàn bộ khối lượng rác thải phát sinh, định kỳ vận chuyển đến bãi chôn lấp, xử lý chất thải theo quy định.

\* Duy trì thảm cỏ lá tre (giảm tần suất tưới, phạt cỏ, không nhổ cỏ dại):

- Bãi cỏ xanh, cỏ sinh trưởng phát triển bình thường, không có cây dại. Bãi cỏ luôn sạch không có rác tồn, nước đọng.

- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện.

\* Duy trì cây đơn lẻ, khóm (Loại cây 2 tháng cắt sửa 1 lần):

- Cây có độ cao phù hợp tùy theo đặc điểm sinh học từng chủng loại, hài hòa với cảnh quan và không ảnh hưởng đến tầm nhìn giao thông. Cây khỏe, không sâu bệnh, không bị gãy cành, ngọn, lá tươi có màu sắc tự nhiên, không có lá úa. Không có cỏ, cây dại, gạch đá, rác dưới gốc cây

- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện..

\* Duy trì hàng rào, cây cảnh trồng mảng, cây hoa lưu niên (giảm tần suất tưới và không nhổ cỏ dại):

- Cây hàng rào đảm bảo liên tục, không đứt đoạn. Cây hàng rào lá xanh, không sâu bệnh, chân hàng rào không có rác, cây dại.

- Cây trồng mảng có màu sắc tự nhiên, không rỗng, chết, cây không bị sâu bệnh, đúng chủng loại theo quy định, đảm bảo độ cao, chiều rộng tối thiểu theo thiết kế, toàn mảng không nhấp nhô, gốc cây không có rác, cây dại.

- Cây hoa lưu niên màu sắc tự nhiên, có hoa theo mùa, không có cây chết, cây bị sâu bệnh, gốc cây không có rác, cây dại. Cây đúng chủng loại quy định, đảm bảo độ cao, chiều rộng tối thiểu theo thiết kế.

- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện.

\* Duy trì cây bóng mát mới trồng (cây dưới 2 năm):

- Cây có thân thẳng, cân tán, gọn tán, lá cây có màu xanh đặc trưng tùy từng loài; Cây không có cành trời mọc ở thân, gốc, cành mọc lệch, cây không bị sâu bệnh, cọc chống phải đảm bảo chắc chắn.

- Mặt bằng khu vực thi công sạch sẽ.

\* Cắt tỉa vén tán, nâng cao vòm lá, cắt cành khô, gỡ phụ sinh thực hiện chủ yếu bằng cơ giới:

- Cây sinh trưởng, phát triển tốt, đảm bảo mỹ thuật; Cây không bị lệch tán, không còn cành xòa thấp cản trở giao thông, tán cây được nâng cao khoảng 1/3 chiều cao vút ngọn của cây hoặc  $\geq 3,5m$  tùy theo đặc điểm của từng cây, không còn cành khô, cây sống ký sinh leo bám.

- Mặt bằng sau khi thi công sạch sẽ.

- Đảm bảo an toàn cho người và tài sản

\* Cắt tỉa làm thưa tán, thấp tán, hạ độ cao cây bóng mát thực hiện chủ yếu bằng cơ giới, cây loại 3:

- Cây đảm bảo sinh trưởng, phát triển tốt, đảm bảo mỹ thuật; Cây không còn cành khô; Cây sống ký sinh, leo bám vào cây; Cây không bị lệch tán; Cây gọn tán, nhẹ tán.

- Hạn chế cây đổ, cành gãy, đảm bảo an toàn cho người và tài sản.

\* Chặt hạ, đào gốc cây chết, sâu mục thân...(đường kính cây  $D < 20$ ):

- Đảm bảo an toàn cho người và tài sản.

- Mặt bằng sau khi thi công sạch sẽ.

\* Giải tỏa cây gãy, đổ cây loại 1 (đường kính cây  $D < 20$ ):

- Đảm bảo an toàn cho người và tài sản.

- Mặt bằng khu vực thi công sạch sẽ.

\* Giải tỏa cây gãy, đổ cây loại 2 (đường kính cây  $20 < D < 50$ ):

- Đảm bảo an toàn cho người và tài sản.

- Mặt bằng khu vực thi công sạch sẽ.

\* Trồng và duy trì hoa thời vụ:

- Bồn hoa có hình thù rõ ràng theo thiết kế, hình mũi luyến, không đọng nước, phù hợp với cảnh quan xung quanh. Đất trồng hoa tươi xốp, không có cỏ dại, không có rác bẩn, gạch đá.

- Cây có hoa nở, màu sắc tươi tự nhiên, cành lá thân thẳng, không sâu bệnh, không có hoa, lá già héo, không gãy cành, ngọn.

- Mật độ cây trồng đều trên năm, cây trồng phải giao tán. Bồn hoa mới trồng có ít nhất 1/3 diện tích bồn là cây có hoa, còn lại là hoa chum nở. Không trồng cây ra ngôi (cây không có nụ, hoa).

- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện.

\* Trồng, chăm sóc cây hàng rào, cây trồng mảng, hoa lưu niên:

- Cây hàng rào, cây trồng mảng, cây hoa lưu niên trồng đúng chủng loại quy định, trồng thẳng hàng, ấn chặt gốc.

- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông.

\* Kiểm tra cây bóng mát trong danh mục quản lý:

- Phải thường xuyên cập nhật, tổng hợp số liệu các cây chết, cây sâu bệnh, gãy đổ, cây bị xâm hại trong danh mục quản lý.

- Báo cáo đề xuất gửi cơ quan quản lý để có biện pháp xử lý kịp thời.

\* Trồng cây:

- Loại cây trồng phải phù hợp với yêu cầu chủ đầu tư;

- Hình dạng, kích thước, tán lá phải đảm bảo theo quy định;

- Chất lượng cây tốt, không bị mầm bệnh, sâu,....

## **2.2. Yêu cầu đối với nhân sự, thiết bị**

- Đối với nhân sự thực hiện gói thầu: Nhà thầu sử dụng nhân sự đã đề xuất huy động tham gia gói thầu này theo chương III E-HSMT. Ngoài ra nhà thầu được phép huy động thêm nhân sự cho gói thầu này nhằm mục đích phù hợp với giải pháp kỹ thuật nhà thầu đề xuất, đảm bảo chất lượng, tiến độ thực hiện cho gói thầu.

- Đối với thiết bị/máy thi công gói thầu: Nhà thầu sử dụng thiết bị/máy thi công do nhà thầu huy động và sử dụng thiết bị/máy thi công của chủ đầu tư huy động thực hiện gói thầu này theo chương III E-HSMT. Nhà thầu được phép huy động thêm thiết bị/máy cho gói thầu này nhằm mục đích phù hợp với giải pháp kỹ thuật nhà thầu đề xuất, đảm bảo chất lượng, tiến độ thực hiện cho gói thầu.

## **3. Giải pháp và kỹ thuật thực hiện gói thầu:**

### **3.1. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện**

- Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện cho toàn bộ công việc và cho từng nội dung công việc phải phù hợp, đáp ứng theo yêu cầu công việc của HSMT và tuân thủ quy định tại Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 về việc công bố quy trình, định mức dự toán duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn TP Hà Nội và Quyết định số số 65/2024/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 về việc ban hành quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật duy trì công viên, cây xanh và chăm sóc, nuôi dưỡng động vật trung bày trên địa bàn thành phố Hà Nội của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

- Nhà thầu phải lập bảng kế hoạch và trình Chủ đầu tư/đại diện Chủ đầu tư phê duyệt kế hoạch cho từng nội dung công việc trong thời gian thực hiện hợp đồng (ghi rõ cụ thể các ngày thực hiện trong tuần).

- Nhà thầu phải đảm bảo việc cung cấp dịch vụ không làm ảnh hưởng, hư hỏng các thiết bị của Chủ đầu tư (nếu có).

### **3.2. Hệ thống tổ chức**

Nhà thầu phải có sơ đồ, thuyết minh sơ đồ hệ thống tổ chức thực hiện gói thầu. Sơ đồ ít nhất thể hiện được thành phần chính tham gia gói thầu. Thuyết minh ít nhất thể hiện được mục đích, chính sách của hệ thống tổ chức của nhà thầu; chức năng, nhiệm vụ, cơ chế phối hợp của các thành phần chính tham gia gói thầu.

### **3.3. Kế hoạch triển khai**

- Nhà thầu phải lập kế hoạch triển khai chi tiết cho hàng tháng cho từng công việc riêng rẽ và tổng các công việc thực hiện của gói thầu.

- Nhà thầu phải tiến hành báo cáo định kỳ hàng tháng và báo cáo đột xuất cho chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư trong quá trình thực hiện.

- Bảng kế hoạch triển khai phải thể hiện rõ ràng và chi tiết từng công việc chính; mỗi công việc cần ghi tên rõ ràng, thời gian bắt đầu cũng như kết thúc. Biểu đồ phải trực quan, dễ theo dõi, giúp xác định trình tự thực hiện, thời gian hoàn thành công việc một cách khoa học nhất.

### **3.4. Đảm bảo an ninh, trật tự khu vực, điều tiết giao thông**

- Nhà thầu phải tổ chức, hướng dẫn, quy định các nội dung về an ninh, trật tự nhằm đảm bảo trong quá trình thực hiện không gây ảnh hưởng đến các cơ quan, doanh nghiệp xung quanh.

- Nhà thầu phải có biện pháp điều tiết, giảm thiểu ảnh hưởng/gây ra đối với người và các phương tiện tham gia giao thông trong khu vực.

- Các hoạt động vào ban đêm phải được rọi sáng bằng hệ thống chiếu sáng, hệ thống này phải được đặt và hoạt động không được gây chói cho giao thông công cộng.

### **3.5. Đảm bảo an toàn, PCCC**

#### **a. Về vệ sinh môi trường**

- Nhà thầu phải nêu biện pháp tập trung phế thải, rác thải và giảm thiểu bụi để không ảnh hưởng đến môi trường.

- Nhà thầu phải cam kết đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường theo đúng quy định về môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm liên quan nếu vi phạm qui định trên.

- Nhà thầu có hoặc có thỏa thuận/ký kết với đơn vị có bãi tập kết/ bãi trung chuyển/ bãi xử lý rác theo đúng quy định. Bãi phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo đúng quy định của nhà nước.

#### **b. Về an toàn lao động**

- Nhà thầu phải đảm bảo không gây thiệt hại nào cho người, nhà cửa hoặc các công trình xung quanh trong quá trình thực hiện công việc và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về các hậu quả nếu có.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm về điều kiện lao động và an toàn cho công, nhân viên của mình.

- Nhà thầu phải lập kế hoạch, nội dung đảm bảo an toàn rõ ràng, chi tiết:

+ Quy định về việc tổ chức huấn luyện về an toàn lao động (Bồi dưỡng huấn luyện cho các đối tượng là người phụ trách công tác an toàn lao động, người làm công tác an toàn lao động, người lao động; kế hoạch huấn luyện định kỳ, đột xuất).

+ Biện pháp sơ cấp cứu và ứng cứu trong trường hợp khẩn cấp (băng bó vết thương, say nắng, say nóng, điện giật, sét đánh, kỹ thuật di chuyển nạn nhân an toàn).

+ Quy định về quy trình làm việc hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng hoặc định kỳ đối với các công việc có yêu cầu cụ thể đảm bảo an toàn lao động.

+ Quy định về ứng phó với tình huống khẩn cấp (Mạng lưới thông tin liên lạc, các quy trình ứng phó với tình huống khẩn cấp có liên quan).

+ Quy trình thực hiện việc theo dõi, báo cáo công tác quản lý an toàn lao động định kỳ, đột xuất (Theo dõi và báo cáo việc thực hiện kế hoạch tổng thể về an toàn lao động; báo cáo về tình hình tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động trong quá trình thực hiện gói thầu; chia sẻ thông tin về tai nạn, sự cố để nâng cao nhận thức của người lao động).

#### **c. Về phòng cháy, chữa cháy, phòng chống cháy nổ**

- Nhà thầu phải xây dựng phương án phòng chống cháy nổ.

- Với phương châm phòng hơn chống cho nên cần chú ý biện pháp phòng ngừa bằng mọi cách tuyên truyền phổ biến, kiểm tra đôn đốc thường xuyên và có các hình thức xử lý kỷ luật thích đáng cụ thể như: Cấm không sử dụng hoặc gây phát lửa bừa bãi; Không để chất dễ cháy gần các khu vực có dây điện bằng điện; Không để các chướng ngại vật trên các đường đi chính đã được thiết kế yêu cầu cho phòng hoả,....

### **3.6. Biện pháp tổ chức nghiệm thu các giai đoạn thực hiện và nghiệm thu tổng thể**

Nhà thầu đưa ra phương án chi tiết về trình tự nghiệm thu cho từng danh mục theo đợt và cho toàn bộ nội dung công việc, đảm bảo việc nghiệm thu đơn giản, hiệu quả:

- Nhà thầu phải có kế hoạch nghiệm thu cho các công việc cũng như hạng mục công việc.

- Nghiệm thu từng danh mục, đợt và có đầy đủ biên bản nghiệm thu theo quy định của Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư.

- Nghiệm thu tổng hợp khi đã hoàn thành theo đợt và tổng hợp đầy đủ các biên bản sửa chữa, thí nghiệm và các loại biên bản nghiệm thu theo quy định của Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư.

### **3.7. Biện pháp tăng cường và xử lý trong các trường hợp đột xuất, bất khả kháng**

- Nhà thầu có giải pháp tăng cường nhằm đáp ứng các yêu cầu đột xuất cần xử lý: Các sự kiện kinh tế, văn hóa, chính trị,...: Tăng cường, điều phối, bố trí nhân lực, thiết bị khi có yêu cầu; Phối hợp với các cơ quan chuyên môn, chính quyền địa phương (nếu có); Xây dựng phương án vệ sinh trước – trong – sau sự kiện.

- Nhà thầu có giải pháp xử lý môi trường, cây xanh khi xảy ra thiên tai, bão, lũ: Công tác chuẩn bị và phòng ngừa; Tổ chức lực lượng ứng phó nhanh; Xây dựng phương án xử lý và khắc phục sau khi xảy ra.

### **4. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu:**

- Cán bộ của Chủ đầu tư/đại diện Chủ đầu tư (các cán bộ được giao nhiệm vụ cho gói thầu này) sẽ kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất các công việc do nhà thầu thực hiện.

- Nghiệm thu khối lượng sẽ dựa trên khối lượng thực tế mà nhà thầu đã thực hiện. Trong trường hợp khối lượng thực hiện thực tế bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khác (như vị trí không cần thực hiện do việc thi công không mang lại hiệu quả, gói thầu hết thời gian hiệu lực, ...), các bên sẽ thống nhất chỉ nghiệm thu và thanh toán dựa trên khối lượng công việc thực tế đã được thực hiện.

### **5. Trách nhiệm của nhà thầu và lưu ý cho nhà thầu khi tham dự thầu:**

- Cung cấp các thông tin, tài liệu hồ sơ đề xuất đảm bảo trung thực, không gian lận. Trường hợp chủ đầu tư, bên mời thầu, đơn vị tư vấn thầu phát hiện nhà thầu có hành vi không trung thực thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại và nhà thầu sẽ bị xử lý theo quy định tại Luật đấu thầu.

- Nhà thầu phải sẵn sàng bản gốc để phục vụ kiểm tra, rà soát hay đối chiếu trong trường hợp cần thiết.

- Các file khi dự thầu: Để đảm bảo quyền lợi của nhà thầu và không gây khó khăn trong quá trình kiểm tra, đánh giá, thẩm định hồ sơ. Khuyến khích nhà thầu cung cấp/chuyển đổi các file đính kèm thành định dạng “PDF”. Trách sử dụng các file có phong chữ không phổ biến.

### **6. Trách nhiệm chung của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng**

Khối lượng năm 2027, 2028 là khối lượng dự kiến; hàng năm Chủ đầu tư/Đại diện chủ đầu tư và nhà thầu sẽ tổ chức rà soát và thống nhất khối lượng công việc chuẩn bị triển khai cho năm tiếp theo dựa trên khối lượng thực tế đã thực hiện của năm trước đó và nguồn vốn được cấp có thẩm quyền phân bổ.